

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 20 /2025/DS-PT

Ngày 07 - 01 - 2025

V/v tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở trái pháp luật đối
với quyền sử dụng lối đi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Ông Trần Hữu Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2024/TLPT-DS ngày 15/10/2024 về việc tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng lối đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 255/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 525/2024/QĐ-PT ngày 22/10/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Tuấn Q, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trương Tuấn Q: Luật sư Nguyễn Thành P – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: số 163/21/26, T, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Võ Nam C, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Võ Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Trương Tuấn K, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Tuấn K: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: số 163/21/26, T, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Anh Trương Minh K1, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6. Chị Trương Thị Kiều A, sinh ngày 16/9/2006 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của chị A:

+ Ông Trương Tuấn Q, sinh năm 1978 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

7. Anh Trương Thanh N, sinh ngày 04/12/2008.

Người đại diện theo pháp luật của anh N:

+ Ông Trương Tuấn Q, sinh năm 1978 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

8. Trần Thị Thanh L, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

9. Võ Tùng V1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

10. Võ Tùng C1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

11. Võ Tuấn K2, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

12. Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Địa chỉ cơ quan: ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tô Tuấn T2 – Chủ tịch.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trương Tuấn Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Tuấn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Trương Tuấn Q trình bày:

Hiện tại, ông Q là chủ sử dụng đối với thửa đất 41, tờ bản đồ 45, diện tích: 2965 m², địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03922 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Trương Tuấn Q ngày 12/02/2015.

Từ trước đến nay, nối từ Huyện L (hiện tại) đi vào thửa đất 41 là một con đường công cộng có chiều ngang khoảng 4m. Nguồn gốc con đường này có từ những năm 1945 cho đến nay; vào giai đoạn 1990, cha ông Trương Tuấn Q có mua máy cày để phục vụ làm kinh tế cho gia đình; sau này mua thêm máy gặt đập liên hợp, máy cuốn rơm, các máy nông nghiệp đã đi lại trên con đường đã hơn 30 năm; đồng thời các thành viên trong gia đình ông Q vẫn đi lại trên con đường này. Điểm đầu con đường (giáp Huyện L) có một hàng dâm bụt và bụi trúc làm chuẩn chạy thẳng vô đến cổng nhà ông Q hiện tại, hàng dâm bụt và bụi trúc giáp với đất của hộ gia đình ông Võ Nam C hiện tại. Hiện nay, hàng dâm bụt và bụi trúc đã không còn.

Vào tháng 4/2023, khi ông C tiến hành đo đạc lại đất và xây hàng rào thì ông C có kêu ông Q ra xác định ranh đất với con đường, ông C có cắm trụ ngay hàng rào dâm bụt và bụi trúc thì ông Q đồng ý nhưng khi cán bộ đưa hồ sơ cho ông Q ký giáp ranh thì chỉ có tờ giấy trống, chưa ghi thông tin nên ông Q không chịu ký tên. Từ đó, hai bên xảy ra mâu thuẫn cho đến nay.

Đến tháng 07/2023, ông Võ Nam C đã tự ý cắm 03 trụ xi măng trên con đường đi mà gia đình ông Q sử dụng từ trước đến nay; hiện trạng con đường hiện tại chỉ còn khoảng 02m đủ để người và xe máy đi lại. Xe máy cày, máy gặt đập liên hợp, máy cuốn rơm không thể đi lại trên con đường cũ gây thất thoát kinh tế cho gia đình ông Q rất lớn.

Ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu ông Võ Nam C chấm dứt hành vi cản trở ông Q sử dụng con đường đi công cộng (chiều ngang giáp Huyện lộ 07 từ 3,15m – 3,2m, chiều ngang giáp thửa 41 là 3,99m, chiều dài khoảng 46 m) nối từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41, tờ bản đồ 45, diện tích: 2.965m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03922 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Trương Tuấn Q. Phần đất mà ông Q yêu cầu ông C chấm dứt thực hiện hành vi cản trở việc sử dụng có địa chỉ tại ấp H, xã T, huyện G, Tiền Giang.

- Yêu cầu ông Võ Nam C tháo dỡ phần rào chắn lối đi vào thửa đất 41; tờ bản đồ 45; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03922 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Trương Tuấn Q ngày 12/2/2015; phần rào chắn này gồm 03 trụ xi măng.

Bị đơn Võ Nam C trình bày:

Hiện nay, ông đang quản lý, sử dụng thửa đất 100, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01373 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ gia đình ông ngày 28/7/2008 và thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04, diện tích 970m²,

tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01374 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ gia đình ông ngày 28/7/2008.

Nguồn gốc hai thửa đất 100, 101 là do mẹ ông (hiện nay đã mất) hoán đổi từ bà Nguyễn Thị T3 (hiện nay đã mất; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, Tiền Giang) vào năm 1978 (Không rõ ngày, tháng). Hiện trạng ban đầu của hai thửa 100, 101 là đất ruộng dùng để trồng lúa nước. Giáp ranh tại phía Đông thửa 101 là phần đất do nội của ông Trương Tuấn Q quản lý, sử dụng (Sau này, nội của ông Q giao lại đất cho cha ông Q, sau đó là giao lại cho ông Q quản lý sử dụng). Giáp phía Nam của thửa 101 là 01 bờ ruộng. Quá trình sử dụng đất, mẹ ông C và ông Võ Văn T đã tôn tạo bờ ruộng này thành con đường khoảng 1,6m để gia đình ông Q sử dụng đi từ đường lớn (Huyện L ngày nay) vào đất của mình.

Quá trình sử dụng thửa 100, 101, mẹ ông và ông có san lấp mặt bằng có hiện trạng như hiện nay: thửa 100 là 01 cái ao; thửa 101 là phần đất bằng phẳng ngang với lối đi đang tranh chấp giữa ông Q và ông.

Trước đây, tại thửa 101 có 01 cái ao sát đường đất (vào nhà ông Q) tại vị trí ao nước và đường đất, có một số cây trâm bầu. Hiện nay ao nước này đã được san lấp bằng phẳng một phần.

Sau khi nội của ông Q giao hết đất cho ba ông Q sử dụng, ba ông Q bắt đầu mua máy cày về để phục vụ cho việc kinh doanh của mình. Quá trình di chuyển ra vào thửa đất của mình, cha ông Q có cho xe máy cày chạy lấn xuống đất của ông nhưng không xác định được chiều dài, chiều ngang; đồng thời, cha ông Quan có đổ dặm thêm đất vào phần đường lấn xuống (không xác định được chiều dài, chiều ngang) để xe máy cày chạy dễ dàng. Khi đó, ông có thấy việc này, nhưng do tình làng nghĩa xóm và ông cũng không có ý định cản trở gia đình ông Q làm ăn phát triển kinh tế nên ông vẫn để cho gia đình ông Q sử dụng.

Tháng 03/2023, ông tiến hành thuê Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G đo đạc lại thửa 100, 101 để tiến hành cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới; khi đó, ông ra cắm cọc ranh ngay sát vị trí ranh con đường cũ thì ông Q có xin mua lại phần đất dùng để làm đường xe máy cày chạy và đồng ý giá mua đất theo giá thị trường với vị trí 1m từ các trụ xi măng hiện tại xuống đất ông.

Tại buổi đo đạc, ông có cắm cọc ranh theo đúng vị trí đã thỏa thuận nhưng ông Q không chịu ra ký giáp ranh và không thống nhất mua lại phần đất như đã thỏa thuận trước đó. Do đó, ông đã cắm trụ ranh theo đúng vị trí hiện tại như bây giờ cũng là vị trí giáp ranh với bờ ranh cũ. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Văn T trình bày:*

Ông sinh sống trên phần đất giáp với lối đi đang tranh chấp giữa ông Q và ông C đã trên 60 năm. Vào những năm 1980, lối đi đang có sự tranh chấp giữa ông Q và ông C là con đường đất có chiều ngang khoảng một mét mấy đến hai

mét, giáp với lối đi này là ruộng của gia đình ông Võ Nam C. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông C đã cải tạo, san lấp ruộng thành phần đất nền bằng phẳng ngang bằng với đường đất. Đồng thời, cũng trong thời gian này, gia đình ông Q có mua xe máy cày để làm kinh tế. Quá trình di chuyển máy cày đi từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41 và ngược lại, xe có chạy lấn xuống phần đất của gia đình ông C tạo thành lối đi lớn, có chiều ngang đủ cho xe máy cày di chuyển. Từ trước đến nay, Ủy ban nhân dân xã T không có kế hoạch nào để làm con đường khoảng 04m nối từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41 do ông Trương Tuấn Q quản lý sử dụng hiện nay. Ông không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông đang sinh sống tại phần đất giáp với lối đi đang tranh chấp giữa ông Q và ông C. Ông sinh sống tại đây khoảng 12 năm. Trước đây ông sinh sống cách nhà ông Q khoảng 300m.

Theo ông được biết: cách đây 25 năm, có 01 lối đi nối từ Huyện lộ 07 vào thửa đất số 41 do ông Trương Tuấn Q quản lý sử dụng, con đường này đủ rộng để cho xe máy cày loại lớn di chuyển. Giai đoạn những năm 1980, lối đi đang tranh chấp giữa ông Q và ông C có hiện trạng như thế nào thì ông không biết. Từ trước đến nay, Ủy ban nhân dân xã T không có kế hoạch nào để làm con đường khoảng 04m nối từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41 do ông Trương Tuấn Q quản lý sử dụng hiện nay. Ông không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày:

Bà là vợ của ông Trương Tuấn Q. Năm 2001, bà về sinh sống tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số: 45, diện tích 2965,0m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cho đến nay.

Để đi vào nhà, có con đường nối từ Huyện L vào thửa 41; ranh giữa đất ông C và con đường là hàng rào trúc và dâm bụt do nhà ông C trồng. Do gia đình bà có máy cày lớn, máy liên hợp và máy cuộn rom nên thường di chuyển máy trên con đường này.

Năm 2018, không biết vì lý do gì mà ông C chặt hàng rào ranh. Từ tháng 4/2023, gia đình ông C tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất của mình, do không thống nhất về ranh giới giữa đất ông C và lối đi đang tranh chấp hiện tại nên xảy ra tranh chấp với gia đình bà. Trước đây, bà cứ lầm tưởng lối đi đang tranh chấp là đường nội bộ của gia đình; sau này, bà mới biết theo giấy tờ nhà nước thì đây là đường công cộng do nhà nước quản lý.

Tháng 7/2023, ông C tiến hành cấm trụ xi măng giữa đường làm máy cày, máy liên hợp và máy cuộn rom của gia đình bà không thể ra vào được nữa, nhưng chính quyền địa phương lại thờ ơ thậm chí ban hành văn bản yêu cầu gia đình bà không được chạy máy đi làm. Bà thống nhất theo mọi trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh K1, anh Trương Minh N1, chị Trương Thị Kiều A, anh Trương Tuấn K trình bày:

Anh, chị thống nhất theo mọi lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tuấn Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh L1 trình bày:

Bà là vợ của ông Võ Nam C, chung sống với ông C tại các thửa đất 100, 101 từ năm 1986. Bà nghe được từ những người lớn tuổi kể lại, trước khi bà về làm dâu thì thửa 101 là đất ruộng, kế ruộng có 01 bờ đi (bờ đất) nối từ Huyện lộ 07 và thửa 41 do ông Q quản lý, sử dụng hiện tại. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tuấn Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Tuấn K2 trình bày:

Anh là con của ông Võ Nam C; anh có nghe người lớn kể lại, trước đây có 01 bờ đi nối từ Huyện lộ 01 và thửa 41 do ông Q quản lý, sử dụng hiện tích, không có con đường công cộng nào từ Huyện lộ 07 vào thửa 41. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tuấn Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Tùng C1, Võ Tùng V1 vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T trình bày:

Từ năm 1980 đến nay, Ủy ban nhân dân xã T chưa có kế hoạch làm đường công cộng từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41 của ông Trương Tuấn Q. Hiện tại con đường đang tranh chấp giữa ông Trương Tuấn Q và ông Võ Nam C có hiện trạng: Theo tài liệu bản đồ 1/5000 và bản đồ V2 thực hiện có thể hiện đường đi nhưng thửa 39, tờ bản đồ 45 (thửa đất của ông Võ Nam C chưa được cấp đổi) có cạnh phía Nam tiếp giáp với đường đi có ghi “tranh chấp”. Do đó, hiện nay không xác định chiều ngang và chiều dài hiện hữu khoảng 46,5m. Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 255/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tuấn Q.

Buộc ông Võ Nam C chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông Trương Tuấn Q trong việc sử dụng sử dụng lối đi nối từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41, tờ bản đồ 45, diện tích: 2.965m², địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện G, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03922 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Trương Tuấn Q ngày 12/12/2015. Phần lối đi (Vị trí 02) có tứ cận như sau:

+ Đông giáp: Đất của ông Trương Tuấn Q.

+ Tây giáp: Huyện lộ 07.

+ Nam giáp: Đất của ông Võ Văn T và đất của ông Nguyễn Văn V.

+ Bắc giáp đất của hộ Võ Nam C.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Buộc ông Võ Nam C tháo dỡ phần rào chắn lối đi vào thửa đất 41; tờ bản đồ 45; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03922 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Trương Tuấn Q ngày 12/2/2015, phần rào chắn này gồm 03 trụ xi măng, cụ thể tại các vị trí như sau (Tính từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41) Trụ 1 có tọa độ (X = 1143321,265; Y = 609865,008), trụ 2 có tọa độ (X = 1143315,689; Y = 609882,311), trụ 3 có tọa độ (X = 1143311,375; Y = 609895,841)

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông cho đến khi thi hành án xong.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 23/8/2024, ông Trương Tuấn Q kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

* Ngày 09/9/2024 ông Trương Tuấn K có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trương Tuấn Q và anh Nguyễn Thành P - đại diện theo ủy quyền của ông Trương Tuấn K trình bày yêu cầu kháng cáo: yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, không đưa UBND huyện Gò Công Đông và bà Nguyễn Thị L2 tham gia tố tụng; nguyên đơn có yêu cầu thu thập chứng cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện; không xem xét đến lời khai của ông S - Trưởng ấp và ông K3 - địa chính xã.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có nhiều lập luận như sau: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H, ông C thể hiện có con đường công cộng. Các đương sự không có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tòa án cần căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các đương sự để xem xét giải quyết. Qua kết quả đo đạc thực tế, đất ông C sử dụng tăng so với diện tích được cấp quyền sử dụng đất, làm giảm diện tích đường đi công cộng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật; không phải tranh chấp quyền sử dụng đất, nên không cần thiết phải đưa UBND huyện Gò Công Đông và bà Nguyễn Thị L2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Kết quả xem xét thẩm định, đo đạc thể hiện: Có 03 trụ xi măng cắm trong phạm vi chiều ngang 02m của lối đi đang tranh chấp giữa ông Q với ông C, hiện đang bị gãy ngang; lối đi hiện do hộ ông Q, hộ ông K, hộ ông Nguyễn Văn V cùng sử dụng; ông C thừa nhận có cắm 03 trụ xi măng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông C tháo dỡ, di dời 03 trụ xi măng cắm trong phạm vi chiều ngang 02m của lối đi, là phù hợp Điều 169 Bộ luật dân sự. Ông Q, ông K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ pháp lý làm thay đổi bản chất vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q và ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Nam C; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn V, ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T1, anh Trương Minh K1, chị Trần Thị Thanh L, Võ Tùng V1, Võ Tùng C1, Võ Tuấn K2, Ủy ban nhân dân xã T, huyện G vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trương Tuấn Q, ông Trương Tuấn K; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Võ Nam C có thửa đất 100, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01373 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ gia đình ông ngày 28/7/2008 và thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04, diện tích 970m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01374 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ gia đình ông ngày 28/7/2008, tổng cộng là 1.360m². Theo kết quả đo đạc ngày 09/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G thì phần diện tích ông C đang quản lý không tranh chấp là 1.369,9m²; phần diện tích ông C đang cắm 03 trụ lùn ra phía đường đi là 91,3m², nằm ngoài phần đất ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C tháo dỡ 03 trụ xi măng, chấm dứt hành vi cản trở ông Q sử dụng lối đi công cộng là có căn cứ.

Ông Q cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định đường đi công cộng có chiều ngang 02m nên kháng cáo, là không có căn cứ. Bởi lẽ, bản án sơ thẩm xác định: qua xác minh các người làm chứng xác định từ năm 1980 đường đi có chiều ngang khoảng 02m, ông C cấm trụ có chiều ngang 1,9m nên buộc tháo dỡ các trụ xi măng này là có căn cứ.

[2.2] Đối với việc ông Q yêu cầu xác định đường đi công cộng có chiều ngang giáp Huyện lộ 07 từ 3,15m – 3,2m, chiều ngang giáp thửa 41 là 3,99m, chiều dài khoảng 46m nối từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Q xác định đây là đất công cộng do Ủy ban nhân dân xã T quản lý nên việc thực hiện quyền này là người được nhà nước giao quyền sử dụng đất. Ông Q không được Nhà nước giao quyền sử dụng đất nên không có quyền yêu cầu xác định diện tích đường công cộng là bao nhiêu nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông là có căn cứ.

[2.3] Ông Q khởi kiện yêu cầu buộc ông C chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật ông sử dụng đường đi công cộng; không tranh chấp quyền sử dụng đất và không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với ông C; UBND xã T, huyện G cũng không có yêu cầu độc lập tranh chấp quyền sử dụng đất đường đi công cộng; do đó Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Gò Công Đông và bà Nguyễn Thị L2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Ông Q, ông K kháng cáo nhưng không có cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét lời bảo vệ quyền lợi của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q là không có căn cứ, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Q, ông K không được chấp nhận nên ông Q, ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Tuấn Q và ông Trương Tuấn K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 255/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tuấn Q.

Buộc ông Võ Nam C chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông Trương Tuấn Q trong việc sử dụng sử dụng lối đi nối từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41, tờ bản đồ 45, diện tích: 2.965m², địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện G, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03922 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Trương Tuấn Q ngày 12/12/2015. Phần lối đi (Vị trí 02) có tứ cận như sau:

- + Đông giáp: Đất của ông Trương Tuấn Q.
- + Tây giáp: Huyện lộ 07.
- + Nam giáp: Đất của ông Võ Văn T và đất của ông Nguyễn Văn V.
- + Bắc giáp đất của hộ Võ Nam C.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Buộc ông Võ Nam C tháo dỡ phần rào chắn lối đi vào thửa đất 41; tờ bản đồ 45; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03922 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trương Tuấn Q ngày 12/2/2015, phần rào chắn này gồm 03 trụ xi măng, cụ thể tại các vị trí như sau (Tính từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41) Trụ 1 có tọa độ (X = 1143321,265; Y = 609865,008), trụ 2 có tọa độ (X = 1143315,689; Y = 609882,311), trụ 3 có tọa độ (X = 1143311,375; Y = 609895,841).

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu ông Trương Tấn Q1 về việc xác định đường đi công cộng có chiều ngang giáp Huyện lộ 07 từ 3,15m – 3,2m, chiều ngang giáp thửa 41 là 3,99m, chiều dài khoảng 46 m nối từ Huyện lộ 07 vào thửa đất 41.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Tuấn Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0029105 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; ông Q đã nộp xong án phí.

Ông Võ Nam C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trương Tuấn Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013555 ngày 30/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, xem như ông đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trương Tuấn K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013560 ngày 09/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, xem như ông đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện G;
 - CCTHADS huyện G;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2025-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Bình